

Số: /2020/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu
áp dụng cho các dự án điện mặt trời**

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phát triển dự án điện mặt trời nối lưới, hệ thống điện mặt trời mái nhà và Hợp đồng mua bán điện mẫu để áp dụng cho các dự án điện mặt trời nối lưới và hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia phát triển dự án điện mặt trời tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Wp, KWp, MWp là đơn vị đo công suất điện một chiều của tấm quang điện mặt trời trong điều kiện tiêu chuẩn và do nhà sản xuất công bố.

2. Diện tích sử dụng đất, mặt nước có thời hạn của dự án điện mặt trời nổi lưới là tổng diện tích để thực hiện xây dựng các công trình (gồm công trình nhà máy điện, trạm biến áp, không bao gồm đường dây truyền tải điện và đường vào nhà máy điện).

Chương II

PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI

Điều 4. Dự án đầu tư điện mặt trời nổi lưới

1. Giá mua bán điện của các dự án điện mặt trời nổi lưới thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

2. Nội dung hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án điện mặt trời tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành và các yêu cầu sau:

a) Đặc điểm khu vực, tiềm năng bức xạ mặt trời của dự án;

b) Đánh giá ảnh hưởng của phương án đấu nối dự án điện mặt trời đối với vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện trong khu vực;

c) Có các thiết bị kết nối với hệ thống SCADA hoặc thông tin điều độ để thông tin dự báo về sản lượng điện phát theo giờ đến cơ quan Điều độ có quyền điều khiển.

3. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu của các dự án điện mặt trời nổi lưới không được thấp hơn hai mươi phần trăm (20 %) tổng mức đầu tư.

4. Diện tích sử dụng đất, mặt nước có thời hạn của dự án không quá 1,2 ha/ 01 MWp.

Điều 5. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 36/2018/TT-BCT như sau:

“3. Phát điện có công suất lắp đặt đến 01 MW (đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà lắp đặt tại 01 địa điểm và 01 điểm đấu nối) để bán điện cho tổ chức, cá nhân khác.”

Điều 6. Đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà

1. Giá mua bán điện của hệ thống điện mặt trời mái nhà thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.

2. Trình tự thực hiện đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà:

a) Bên bán điện đăng ký đấu nối với Bên mua điện các thông tin bao gồm địa điểm lắp đặt, công suất dự kiến, thông số kỹ thuật của tấm quang điện mặt trời, bộ biến đổi điện từ một chiều sang xoay chiều (bộ nghịch lưu), máy biến áp (nếu có), đường dây tải điện, điểm đấu nối dự kiến.

b) Bên mua điện có ý kiến về khả năng đấu nối, giải tỏa công suất và các nội dung khác có liên quan.

c) Bên bán điện thực hiện thiết kế hệ thống điện mặt trời mái nhà với quy mô công suất phù hợp với ý kiến tại điểm b khoản 2 Điều này.

d) Bên bán điện và Bên mua điện thực hiện thỏa thuận đấu nối hệ thống điện mặt trời mái nhà vào hệ thống lưới điện và các thỏa thuận khác có liên quan; ký hợp đồng mua bán điện mặt trời mái nhà. Trường hợp bên mua điện là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị thành viên được ủy quyền, Bên mua điện và Bên bán điện ký hợp đồng mua bán điện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

đ) Bên bán điện thực hiện triển khai đầu tư, xây dựng và lắp đặt.

e) Các bên có liên quan thực hiện giám sát, thí nghiệm, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu, đóng điện, chốt chỉ số công tơ và các công việc khác để đưa hệ thống điện mặt trời mái nhà vào vận hành.

g) Trường hợp hệ thống điện mặt trời mái nhà đấu nối vào lưới điện khách hàng của Bên bán điện hoặc đơn vị phân phối và bán lẻ điện độc lập, Bên bán điện và Bên mua điện thỏa thuận với khách hàng hoặc đơn vị phân phối và bán lẻ điện độc lập để thực hiện đấu nối.

h) Tùy thuộc điều kiện cụ thể và yêu cầu kỹ thuật của từng hệ thống điện mặt trời mái nhà, Bên bán điện và Bên mua điện quyết định trình tự thực hiện tuần tự hoặc kết hợp đồng thời đối với các hạng mục, công việc quy định tại các Điểm c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này.

3. Bên bán điện phải bảo đảm bộ nghịch lưu có chức năng cắt hòa lưới khi lưới điện không có điện, chống khả năng can thiệp, chiếm quyền giám sát hoạt động, vận hành và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật về chất lượng điện năng.

Điều 7. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Trong quá trình vận hành hoặc khi kết thúc dự án điện mặt trời nối lưới, hệ thống điện mặt trời mái nhà, Bên bán điện có trách nhiệm thu gom, tháo dỡ, hoàn trả mặt bằng và chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ vật tư, thiết bị của các công trình điện mặt trời theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU

Điều 8. Nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu

1. Nội dung Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời nổi lưới được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nội dung Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các hệ thống điện mặt trời mái nhà được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Bên bán điện và Bên mua điện chỉ được bổ sung nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu để làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên. Nội dung bổ sung phải thống nhất với các nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu được ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo có trách nhiệm:

a) Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

b) Hỗ trợ Bên mua điện và Bên bán điện giải quyết vướng mắc trong Hợp đồng mua bán điện theo đề nghị của một hoặc các Bên;

2. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc đầu tư phát triển điện mặt trời tại địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bên mua điện có trách nhiệm

a) Công bố rộng rãi quy trình thủ tục đăng ký, tiếp nhận hồ sơ đề nghị đầu tư, lắp đặt, thỏa thuận đấu nối, ký hợp đồng mua bán điện, thí nghiệm và nghiệm thu vận hành áp dụng cho hệ thống điện mặt trời mái nhà;

b) Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động vận hành các nhà máy điện mặt trời (bao gồm cả điện mặt trời trên mái nhà và điện mặt trời nổi lưới) theo đúng quy định của pháp luật, trường hợp phát hiện có sự xâm nhập, phân mềm giám sát thiết bị chứa các nội dung vi phạm pháp luật, thực hiện tạm dừng kết nối nhà máy điện với hệ thống điện quốc gia, lập biên bản và báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Bên bán điện có trách nhiệm

a) Tuân thủ quy định vận hành, điều độ hệ thống điện, quy định hệ thống điện truyền tải, quy định hệ thống điện phân phối do Bộ Công Thương ban hành.

b) Thường xuyên kiểm tra hoạt động vận hành, phần mềm giám sát hoạt động thiết bị điện mặt trời không vi phạm các quy định của pháp luật và chống sự can thiệp, xâm nhập trái phép từ bên ngoài.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các dự án điện mặt trời nối lưới (bao gồm toàn bộ hoặc một phần của dự án), hệ thống điện mặt trời mái nhà có ngày vận hành thương mại trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày Thông tư này có hiệu lực, các Bên mua, bán điện được thực hiện điều chỉnh, ký hợp đồng mua bán điện theo hợp đồng mua bán điện mẫu quy định tại Thông tư này tính từ ngày đưa vào vận hành thương mại.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 6 năm 2020. Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, sửa đổi, bổ sung Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website: Bộ Công Thương; Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Các Tổng Công ty Điện lực;
- Lưu VT, ĐL, PC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC 1

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2020/TT-BCT
ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

MỤC LỤC

Hợp đồng mua bán điện mẫu

Phụ lục A: Thỏa thuận đấu nối hệ thống điện

Phụ lục B: Thông số kỹ thuật của các công trình chính thuộc Dự án

Phụ lục C: Hệ thống đo đếm và thu thập số liệu

Phụ lục D: Yêu cầu trước ngày vận hành thương mại

Phụ lục Đ: Tiền điện thanh toán

Phụ lục E: Các thỏa thuận khác (nếu có)

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU
CHO DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI (Ghi tên)**

GIỮA

[TÊN BÊN BÁN ĐIỆN]

với tư cách là "Bên bán điện"

và

[TÊN BÊN MUA ĐIỆN]

với tư cách là "Bên mua điện"

Hợp đồng số: ĐMT/[bên mua điện]-năm/số

[Nơi ký], tháng ... năm 20...

MỤC LỤC

Điều 1. Định nghĩa	10
Điều 2. Giao nhận, mua bán điện và vận hành	11
Điều 3. Đấu nối, đo đếm và vận hành nhà máy điện	14
Điều 4. Lập hoá đơn và thanh toán	17
Điều 5. Trường hợp bất khả kháng	19
Điều 6. Thời hạn hợp đồng.....	20
Điều 7. Vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và đình chỉ thực hiện hợp đồng.....	20
Điều 8. Giải quyết tranh chấp.....	22
Điều 9. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu	22
Điều 10. Các thoả thuận khác.....	23
Điều 11. Cam kết thực hiện.....	24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;
- Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam (Quyết định 13);
- Thông tư số .../2020/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời (Thông tư);
- Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm 20... của [tên đơn vị chủ đầu tư] phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình [tên dự án];

- Nhu cầu mua, bán điện của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Mã số thuế: _____

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____
_____ theo văn bản ủy quyền

số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

(sau đây gọi là “**Bên bán điện**”); và

Bên mua điện: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____ Fax: _____

Mã số thuế: _____

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện: _____

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____

_____ theo văn bản ủy quyền số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

(sau đây gọi là “**Bên mua điện**”).

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện để mua, bán điện được sản xuất từ Nhà máy Điện mặt trời [Tên dự án], có tổng công suất lắp đặt là [Công suất dự án] do Bên bán điện đầu tư xây dựng và vận hành tại [Địa điểm xây dựng dự án] với những điều khoản và điều kiện dưới đây:

Điều 1. Định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên hoặc các Bên là Bên bán điện, Bên mua điện hoặc cả hai Bên hoặc đơn vị tiếp nhận các quyền và nghĩa vụ của một bên hoặc các bên trong Hợp đồng này.
2. Điểm đấu nối là vị trí mà đường dây của Bên bán điện đấu nối vào hệ thống điện của Bên mua điện được thỏa thuận tại Phụ lục A của Hợp đồng này.
3. Điểm giao nhận điện là điểm lắp đặt thiết bị đo đếm sản lượng điện.
4. Điện năng mua bán là điện năng tính bằng kWh của nhà máy điện phát ra đã trừ đi lượng điện năng cần thiết cho tự dùng và tổn thất của các công trình điện thuộc Bên bán điện, được Bên bán điện đồng ý bán và giao cho Bên mua điện hàng năm, theo quy định trong Phụ lục C của Hợp đồng này.
5. Hợp đồng là văn bản Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo.
6. Lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng là lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng kỳ hạn 01 (một) tháng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.
7. Năm hợp đồng là năm được tính theo năm dương lịch 12 (mười hai) tháng tính từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 (mười hai) năm đó, trừ trường hợp đối với năm hợp đồng đầu tiên được tính bắt đầu từ ngày vận hành thương mại và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 (mười hai) của năm đó. Năm hợp đồng cuối cùng kết thúc vào ngày cuối cùng của thời hạn Hợp đồng.
8. Ngày đến hạn thanh toán là thời hạn được quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này .
9. Ngày vận hành thương mại của dự án hoặc một phần dự án điện mặt trời nói lược là ngày toàn bộ hoặc một phần công trình điện mặt trời sẵn sàng bán điện cho Bên mua điện điện và thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Hoàn thành công tác nghiệm

thu, các thử nghiệm ban đầu đối với toàn bộ hoặc một phần công trình theo quy định; (ii) Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện (iii) Hai bên chốt chỉ số công tơ để bắt đầu thanh toán.

10. Nhà máy điện bao gồm tất cả các thiết bị phát điện, thiết bị bảo vệ, thiết bị đấu nối và các thiết bị phụ trợ có liên quan; đất sử dụng cho công trình điện lực và công trình phụ trợ để sản xuất điện năng theo Hợp đồng này của Bên bán điện.

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện là những quy định, tiêu chuẩn được áp dụng trong ngành điện do các tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc các quy định, tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế, các nước trong vùng ban hành phù hợp với quy định pháp luật, khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị, có tính đến điều kiện vật tư, nguồn lực, nhiên liệu, kỹ thuật chấp nhận được đối với ngành điện Việt Nam tại thời điểm nhất định.

12. Quy định vận hành hệ thống điện quốc gia là các văn bản quy phạm pháp luật, Quy trình quy định các tiêu chuẩn vận hành hệ thống điện, điều kiện và thủ tục đấu nối vào lưới điện, điều độ vận hành hệ thống điện, đo đếm điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối điện.

13. Trường hợp khẩn cấp là tình huống có thể gây gián đoạn dịch vụ cung cấp điện cho khách hàng của Bên mua điện, bao gồm các trường hợp có thể gây ra hỏng hóc lớn trong hệ thống điện quốc gia, có thể đe dọa đến tính mạng, tài sản hoặc làm ảnh hưởng đến khả năng kỹ thuật của nhà máy điện.

14. Bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục ngay được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Điều 2. Giao nhận, mua bán điện và vận hành

1. Giao nhận điện

a) Kể từ ngày vận hành thương mại, Bên bán điện đồng ý giao và bán điện năng cho Bên mua điện, Bên mua điện đồng ý mua điện năng của Bên bán điện theo quy định của Hợp đồng này.

b) Bên bán điện được hưởng các lợi ích liên quan đến môi trường theo quy định pháp luật và các điều ước quốc tế.

2. Giá mua bán điện

a) Giá mua điện tại điểm giao nhận điện thực hiện theo quy định (đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh Ninh Thuận ghi là: tại khoản 1 Điều 5 Quyết định 13; đối với dự án thuộc địa bàn tỉnh Ninh Thuận ghi là: cho phần công suất đáp ứng điều kiện tại khoản 3 Điều 5 Quyết định 13 và cho phần công suất đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều 5 Quyết định 13).

b) Giá mua điện quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này chỉ áp dụng cho phần nhà máy điện mặt trời nối lưới có ngày vận hành thương mại theo quy định tại Điều 5 Quyết định 13.

c) Tiền điện thanh toán: Phương pháp xác định tiền điện thanh toán hàng tháng đối với Nhà máy điện được quy định theo Phụ lục E của Hợp đồng này.

3. Mua bán điện

Bên bán điện đồng ý vận hành nhà máy điện với công suất lớn nhất là [công suất nhà máy theo MW] và có thiết kế, trang thiết bị phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện. Bên bán điện không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại trực tiếp của Bên mua điện do Bên bán điện không cung cấp đủ điện năng mua bán trong trường hợp không do lỗi của Bên bán điện. Trường hợp không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua điện thì Bên bán điện không được bán điện cho bên thứ ba, hoặc sử dụng với các mục đích khác ngoài mục đích sản xuất điện năng để bán điện cho Bên mua điện.

4. Kế hoạch vận hành

a) Trước hoặc vào ngày thực hiện Hợp đồng này, Bên bán điện cung cấp cho Bên mua điện biểu đồ khả năng phát điện trung bình năm tại điểm đấu nối theo từng tháng phù hợp với thiết kế đã được thẩm định;

b) Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm. Bên bán điện cung cấp cho Bên mua điện kế hoạch sản xuất điện năm sau, bao gồm:

- Kế hoạch vận hành các tháng trong năm (sản lượng điện và công suất khả dụng);

- Lịch bảo dưỡng sửa chữa nhà máy các tháng trong năm (nếu có).

c) Bên bán điện phải cung cấp thông tin về kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa và kế hoạch vận hành cho đơn vị điều độ hệ thống điện (theo cấp điều độ có quyền điều khiển) theo quy định pháp luật về vận hành hệ thống điện quốc gia.

5. Ngừng phát điện

Bên bán điện thông báo cho Bên mua điện dự kiến lịch ngừng phát điện và thời gian ngừng phát điện để sửa chữa theo kế hoạch và không theo kế hoạch theo quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia.

6. Vận hành lưới điện

a) Bên bán điện có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị điện lưới điện theo phạm vi quản lý tài sản xác định tại Thỏa thuận đấu nối với các đơn vị quản lý lưới điện, đảm bảo phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện; và việc mua, bán điện năng theo Hợp đồng mua bán điện.

b) Bên bán điện phải trao đổi và thống nhất với đơn vị quản lý vận hành hệ thống điện quốc gia (theo cấp điều độ có quyền điều khiển) về kế hoạch huy động nguồn điện và giải pháp để giảm bớt ảnh hưởng tới truyền tải lưới điện khu vực do các ràng buộc liên quan tới phụ tải và lưới điện khu vực.

7. Giá bán điện trong hoạt động nhận và mua điện

Bên mua điện không phải thực hiện nghĩa vụ mua hoặc nhận điện trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà máy điện của Bên bán điện vận hành không phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện;

b) Trong thời gian Bên mua điện lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định hoặc kiểm tra lưới điện có liên quan trực tiếp tới đầu nối của nhà máy điện của Bên bán điện;

c) Hệ thống lưới điện của Bên mua điện kết nối với lưới điện tại điểm đầu nối có sự cố;

d) Lưới điện của Bên mua điện cần hỗ trợ để phục hồi sau chế độ sự cố phù hợp với quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

8. Gián đoạn trong hoạt động giao và bán điện

Bên bán điện có thể ngừng hoặc giảm lượng điện bán và giao cho Bên mua điện trong trường hợp lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định, kiểm tra hoặc thực hiện sửa chữa nhà máy điện mà ảnh hưởng trực tiếp đến việc giao điện năng cho Bên mua điện.

Trước khi tiến hành ngừng hoặc giảm lượng điện giao cho Bên mua điện, Bên bán điện phải thông báo trước cho Bên mua điện ít nhất 10 (mười) ngày, trong thông báo phải nêu rõ lý do, dự tính thời gian bắt đầu và thời gian gián đoạn giao điện.

9. Phối hợp

Bên mua điện có trách nhiệm giảm thiểu thời gian giảm hoặc ngừng việc nhận điện trong các trường hợp tại khoản 7 Điều này. Trừ trường hợp khẩn cấp, khi thực hiện tạm giảm hoặc ngừng việc nhận điện, Bên mua điện phải thông báo trước cho Bên bán điện ít nhất 10 (mười) ngày, nêu rõ lý do, thời điểm dự kiến bắt đầu và khoảng thời gian gián đoạn. Trong trường hợp cần thiết, Bên mua điện phải chuyển cho Bên bán điện các lệnh điều độ về vận hành nhận được từ đơn vị điều độ hệ thống điện liên quan đến vận hành nhà máy và Bên bán điện phải tuân thủ các lệnh đó, trừ trường hợp các lệnh đó làm thay đổi đặc điểm phải huy động của nhà máy.

10. Hệ số công suất

Bên bán điện đồng ý vận hành nhà máy điện đồng bộ với lưới điện của Bên mua điện với hệ số công suất xác định theo quy định hiện hành về hệ thống điện phân phối và truyền tải tại điểm giao nhận cho Bên mua điện.

11. Xác nhận ngày vận hành thương mại và vận hành đồng bộ

Trong thời gian 02 (hai) tháng trước thời điểm dự kiến ngày vận hành thương mại theo quy định tại Hợp đồng này, Bên bán điện có trách nhiệm gửi Bên mua điện Dự thảo quy trình chạy thử nghiệm, nghiệm thu của Nhà máy điện phù hợp với các quy định hiện hành và các tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ của nhà máy điện để hai

bên thông nhất xác định ngày vận hành thương mại và tính toán sản lượng điện chạy thử nghiệm của nhà máy điện.

Bên bán điện có trách nhiệm thông báo cho Bên mua điện bằng văn bản ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi hòa đồng bộ lần đầu tiên của Bên bán điện với lưới điện của Bên mua điện. Bên bán điện phải phối hợp vận hành với Bên mua điện tại lần hoà đồng bộ đầu tiên và các lần hoà đồng bộ tiếp theo.

12. Tiêu chuẩn

Bên bán điện và Bên mua điện phải tuân thủ các quy định có liên quan đến giao, nhận điện theo các quy định về lưới điện phân phối, quy định về đo đếm điện và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến ngành điện.

13. Thay đổi ngày vận hành thương mại

Trong thời hạn từ 03 (ba) tháng đến 6 (sáu) tháng trước ngày vận hành thương mại được ghi trong Phụ lục B, Bên bán điện phải xác nhận lại chính thức việc thay đổi ngày vận hành thương mại. Các bên phải có sự hợp tác trong việc thay đổi ngày vận hành thương mại và Bên mua điện không được từ chối yêu cầu thay đổi này nếu không có lý do chính đáng.

Điều 3. Đấu nối, đo đếm

1. Trách nhiệm tại điểm giao nhận điện

Bên bán điện có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt các trang thiết bị để truyền tải và giao điện cho Bên mua điện tại điểm giao nhận điện. Bên mua điện có trách nhiệm hợp tác với Bên bán điện thực hiện việc lắp đặt này.

2. Đấu nối

a) Bên bán điện có trách nhiệm đầu tư, xây dựng, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị đấu nối để đấu nối nhà máy với lưới điện truyền tải, phân phối phù hợp với Quy định về lưới điện truyền tải, phân phối và các quy định khác có liên quan. Bên bán điện phải chịu chi phí lắp đặt hệ thống đo đếm tại điểm giao nhận điện theo quy định tại Phụ lục C của Hợp đồng này.

b) Bên mua điện có quyền xem xét thiết kế, kiểm tra tính đầy đủ của thiết bị bảo vệ. Bên mua điện phải thông báo cho Bên bán điện kết quả thẩm định bằng văn bản trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được toàn bộ hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết kế. Bên mua điện phải thông báo bằng văn bản tất cả các lỗi thiết kế được phát hiện. Bên bán điện phải thực hiện các sửa đổi bổ sung do Bên mua điện đề xuất phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

3. Tiêu chuẩn đấu nối

Các thiết bị của Bên bán điện và của Bên mua điện phải được lắp đặt, vận hành và đấu nối theo quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

4. Kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn đấu nối

Khi có thông báo trước theo quy định, mỗi bên có quyền kiểm tra thiết bị đấu nối của bên kia để đảm bảo việc thực hiện theo quy định pháp luật về vận hành hệ thống điện quốc gia. Việc kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của bên được kiểm tra. Trong trường hợp thiết bị của bên được kiểm tra không đáp ứng các điều kiện vận hành và bảo dưỡng, bên kiểm tra phải thông báo cho bên được kiểm tra những điểm cần hiệu chỉnh. Bên được kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết khi có yêu cầu hiệu chỉnh hợp lý từ bên kiểm tra.

5. Đo đếm

a) Vị trí đo đếm và yêu cầu kỹ thuật của các Hệ thống đo đếm được qui định tại Phụ lục C.

b) Bên bán điện có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt, nghiệm thu, quản lý, vận hành, bảo dưỡng và kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ hàng năm thiết bị của Hệ thống đo đếm chính và Hệ thống đo đếm dự phòng phù hợp với quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01/12/2015 và các quy định bổ sung thay thế hợp lệ. Hệ thống đo đếm phải đảm bảo tính pháp lý theo Luật đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011 và các quy định hướng dẫn, bổ sung, thay thế.

c) Kiểm định định kỳ thiết bị đo đếm được thực hiện theo chu kỳ thời gian: công tơ điện 01 (một) năm 01 (một) lần; máy biến dòng điện và máy biến điện áp đo lường 05 (năm) năm một lần. Việc kiểm tra, kiểm định thiết bị đo đếm hoặc xác nhận độ chính xác của thiết bị đo đếm phải do tổ chức được công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo và được sự thống nhất của hai Bên thực hiện; phải tuân thủ theo các quy trình kiểm định thiết bị đo của nhà nước. Các thiết bị đo đếm phải được niêm phong, kẹp chì sau khi kiểm định. Chi phí kiểm định do Bên bán chi trả.

d) Trường hợp cần thiết, một bên có quyền yêu cầu kiểm tra bổ sung hoặc kiểm định bất thường thiết bị và hệ thống đo đếm. Nếu là yêu cầu của Bên bán điện phải trước ít nhất là 7 (bảy) ngày và nếu là yêu cầu của Bên mua điện phải trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày trước ngày yêu cầu và bên được yêu cầu phải có văn bản trả lời bên yêu cầu. Bên bán điện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, kiểm định khi nhận được yêu cầu của Bên mua điện. Nếu sai số của thiết bị đo đếm được kiểm tra, kiểm định bất thường lớn hơn giới hạn cho phép thì Bên bán phải trả chi phí cho việc kiểm tra, kiểm định bất thường; nếu sai số của thiết bị đo đếm được kiểm tra, kiểm định bất thường trong phạm vi giới hạn cho phép thì chi phí kiểm định do bên đề nghị thanh toán.

đ) Bên bán điện có nghĩa vụ thông báo cho Bên mua điện kết quả kiểm định thiết bị đo đếm. Bên bán điện có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên mua điện về việc kiểm tra, kiểm định hệ thống đo đếm. Bên mua điện có trách nhiệm cử người tham gia chứng kiến quá trình kiểm tra, kiểm định, dỡ niêm phong, niêm phong và kẹp chì công tơ. Trường hợp thiết bị đo đếm có sai số lớn hơn mức cho phép, Bên bán điện có trách nhiệm hiệu chỉnh hoặc thay thế thiết bị đo đếm đó. Trường hợp một bên cho rằng thiết bị đo đếm bị hỏng hoặc không hoạt động thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia, Bên bán điện có nghĩa vụ kiểm tra, sửa chữa và thay thế. Việc kiểm tra, sửa chữa, thay thế phải được thực hiện trong thời gian ngắn nhất.

e) Sản lượng điện mua bán giữa Bên mua điện và Bên bán điện được xác định theo phương thức giao nhận điện năng và Hệ thống đo đếm chính tại Phụ lục C của Hợp đồng này.

g) Trường hợp Hệ thống đo đếm chính bị sự cố hoặc kết quả kiểm định cho thấy Hệ thống đo đếm chính có mức sai số cao hơn cấp chính xác quy định thì sản lượng điện năng mua bán giữa hai bên trong thời gian Hệ thống đo đếm chính bị sự cố hoặc có sai số vượt quá quy định được xác định theo nguyên tắc sau:

(i) Sử dụng kết quả đo đếm của Hệ thống đo đếm dự phòng để xác định sản lượng điện năng phục vụ thanh toán.

(ii) Trường hợp Hệ thống đo đếm dự phòng cũng bị sự cố hoặc kết quả kiểm định cho thấy Hệ thống đo đếm dự phòng có sai số vượt quá mức cho phép thì sản lượng điện năng phục vụ thanh toán được xác định như sau:

- Trường hợp Hệ thống đo đếm chính có hoạt động nhưng có mức sai số cao hơn cấp chính xác quy định thì sản lượng điện mua bán giữa hai bên được xác định bằng kết quả đo đếm của Hệ thống đo đếm chính được quy đổi về giá trị điện năng tương ứng với mức sai số bằng 0%;

- Trường hợp Hệ thống đo đếm chính bị sự cố không hoạt động, Hệ thống đo đếm dự phòng có hoạt động nhưng có mức sai số cao hơn cấp chính xác quy định thì sản lượng điện mua bán giữa hai bên được xác định bằng kết quả đo đếm của Hệ thống đo đếm dự phòng được quy đổi về giá trị điện năng tương ứng với mức sai số bằng 0%;

- Trường hợp Hệ thống đo đếm chính và Hệ thống đo đếm dự phòng bị sự cố không hoạt động, hai bên ước tính sản lượng điện giao nhận theo các số liệu trung bình tháng (nếu có) của Nhà máy điện trong cùng kỳ thanh toán của năm trước năm hợp đồng và phải được điều chỉnh hợp lý cho giai đoạn lập hoá đơn cụ thể theo các số liệu có sẵn tương ứng ảnh hưởng đến việc phát điện của Nhà máy điện như thông số về nhiệt độ môi trường, cường độ bức xạ, hiệu suất, số giờ vận hành, thời gian vận hành của Nhà máy điện và lượng điện tự dùng (gọi chung là "các Thông số vận hành") trong thời gian các thiết bị đo đếm bị hỏng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản;

- Khi không có các số liệu tin cậy, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo lượng điện năng trung bình tháng của Nhà máy điện của 6 (sáu) kỳ thanh toán ngay trước khi các thiết bị đo đếm hư hỏng (hoặc ít hơn nếu Nhà máy điện vận hành chưa được sáu tháng) và phải được điều chỉnh theo thời gian ngừng máy hoặc theo các Thông số vận hành, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

(iii) Trên cơ sở kết quả đo đếm hiệu chỉnh được hai bên thống nhất, Bên bán điện có nghĩa vụ tính toán xác định khoản tiền mà một bên phải trả cho bên kia trong khoảng thời gian Hệ thống đo đếm không chính xác. Bao gồm khoản tiền thừa hoặc trả thiếu, tiền lãi của mức thu thừa hoặc trả thiếu tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng và phí kiểm định đo đếm theo quy định tại điểm c, d khoản 5 Điều này.

(iv) Trường hợp thiết bị đo đếm bị cháy hoặc hư hỏng, Bên bán điện có nghĩa vụ thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian ngắn nhất để các thiết bị đo đếm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và hoạt động trở lại bình thường. Các thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế phải đảm bảo được tính pháp lý, yêu cầu kỹ thuật theo quy định trước khi đưa vào sử dụng.

6. Ghi chỉ số công tơ

Hàng tháng (hoặc theo chu kỳ ghi chỉ số do hai bên thoả thuận), Bên mua điện và Bên bán điện cùng đọc và ghi chỉ số công tơ.

Sau khi đã thông báo theo quy định, Bên mua điện được vào nhà máy điện hoặc nơi lắp đặt thiết bị đo đếm để ghi chỉ số, kiểm tra công tơ và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng này. Việc Bên mua điện vào nhà máy phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên bán điện. Các nhân viên hoặc kiểm tra viên điện lực do Bên mua điện cử đến khi vào nhà máy điện phải tuân thủ các quy định về an toàn và nội quy của nhà máy điện.

7. Kiểm định thiết bị đo đếm

a) Việc kiểm tra, kiểm định thiết bị đo đếm hoặc xác nhận độ chính xác của thiết bị đo đếm phải thực hiện theo quy định về đo đếm điện do tổ chức có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền thực hiện. Việc kiểm định được tiến hành trước khi sử dụng thiết bị đo đếm lần đầu để ghi điện năng mua bán của nhà máy điện. Tất cả thiết bị đo đếm được niêm phong, kẹp chì và khoá lại sau khi kiểm định và Bên mua điện có quyền chứng kiến quá trình này.

b) Tất cả các thiết bị đo đếm điện năng mua bán của nhà máy điện phải được kiểm định định kỳ theo quy định của pháp luật về đo lường, chi phí kiểm định do Bên bán điện chi trả. Trường hợp cần thiết, một bên có thể đề xuất kiểm định độ chính xác của bất cứ thiết bị đo đếm nào, chi phí kiểm định sẽ do bên đề xuất thanh toán. Kết quả kiểm định thiết bị đo đếm phải được thông báo cho bên kia biết khi được yêu cầu. Trường hợp thiết bị đo đếm có sai số lớn hơn mức cho phép trong các quy định về đo đếm, Bên bán điện chịu trách nhiệm hiệu chỉnh hoặc thay thế và hoàn trả khoản tiền thu thừa cho Bên mua điện cộng với tiền lãi của khoản tiền thu thừa tính theo lãi suất cơ bản và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm điện. Mỗi bên được thông báo trước và có quyền cử người tham gia dỡ niêm phong, kiểm tra, kiểm định và niêm phong kẹp chì công tơ. Trường hợp một bên cho rằng công tơ bị hỏng hoặc không hoạt động thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia, bên có công tơ phải kiểm tra và sửa chữa.

8. Chuyển quyền sở hữu điện

Tại điểm giao nhận điện, quyền sở hữu điện được chuyển từ Bên bán điện sang Bên mua điện. Tại điểm này, Bên mua điện có quyền sở hữu, kiểm soát và chịu trách nhiệm về lượng điện đã nhận.

Điều 4. Lập hoá đơn và thanh toán

1. Lập hoá đơn

Hàng tháng (hoặc theo chu kỳ ghi chỉ số do hai bên thoả thuận), Bên mua điện và Bên bán điện cùng đọc chỉ số công tơ vào ngày đã thống nhất để xác định lượng điện năng giao nhận trong tháng. Bên bán điện sẽ ghi chỉ số công tơ theo mẫu quy định có xác nhận của đại diện Bên mua điện và gửi kết quả ghi chỉ số công tơ cùng hóa đơn bằng văn bản (hoặc bằng fax, bằng bản sao gửi qua thư điện tử đồng thời có công văn gửi sau) cho Bên mua điện trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi đọc chỉ số công tơ.

2. Thanh toán

a) Hồ sơ thanh toán: Trước ngày mùng 5 (năm) hàng tháng, Bên bán điện gửi thông báo thanh toán tiền điện kèm theo hồ sơ thanh toán của tháng trước liền kề cho Bên mua điện.

b) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ thanh toán của Bên bán điện, Bên mua điện phải kiểm tra Hồ sơ thanh toán và thông báo với Bên bán điện bằng văn bản nếu phát hiện sai sót. Sau thời hạn trên nếu Bên mua không có ý kiến coi như Hồ sơ thanh toán đã được chấp nhận.

c) Trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày Hồ sơ thanh toán được chấp nhận, Bên bán điện phát hành và gửi hóa đơn thanh toán cho Bên mua điện. Hóa đơn thanh toán lập theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của Bên bán điện, Bên mua điện có nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán điện toàn bộ số tiền ghi trong hóa đơn thanh toán tiền điện bằng phương thức chuyển khoản.

đ) Trường hợp Bên mua điện không thanh toán trong thời hạn nêu trên thì Bên mua điện có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả. Lãi phạt chậm trả được tính tổng số tiền chậm trả nhân với (x) Lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng chia (:) 365 ngày nhân với (x) số ngày chậm trả.

e) Trường hợp Bên mua điện không cùng đọc chỉ số công tơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bên mua điện vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán điện lượng điện năng giao nhận theo quy định.

3. Ước tính lượng điện năng bán

Trường hợp không có đủ dữ liệu cần thiết để xác định lượng điện năng hoặc khoản thanh toán Bên mua điện nợ Bên bán điện, trừ các trường hợp nêu tại khoản 4 Điều này, Bên bán điện phải ước tính các dữ liệu đó và điều chỉnh khoản thanh toán đúng với thực tế trong các lần thanh toán tiếp theo.

4. Thứ tự áp dụng và thay thế chỉ số công tơ

Để xác định lượng điện năng Bên mua điện đã nhận và chấp nhận trong một kỳ thanh toán, việc ghi sản lượng điện, lập hoá đơn và thanh toán phải dựa trên các số liệu ước tính theo thứ tự sau:

a) Chỉ số công tơ đo đếm chính tại điểm giao nhận điện trong kỳ thanh toán, có cấp chính xác phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Chỉ số công tơ đo đếm dự phòng tại điểm giao nhận điện, khi công tơ dự phòng được sử dụng để đo đếm lượng điện năng giao nhận phải có cấp chính xác phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3 của Hợp đồng này;

c) Khi tất cả các công tơ không ghi lại chính xác lượng điện năng giao nhận, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo các số liệu trung bình tháng (nếu có) của nhà máy điện trong cùng kỳ thanh toán của năm trước năm hợp đồng và phải được điều chỉnh hợp lý cho giai đoạn lập hoá đơn cụ thể theo các số liệu có sẵn tương ứng ảnh hưởng đến việc phát điện của nhà máy điện như thông số về sinh khối, hiệu suất tổ máy, số giờ vận hành, thời gian vận hành của tổ máy phát điện và lượng điện tự dùng (gọi chung là “các Thông số vận hành”) trong thời gian công tơ bị hỏng.

Khi không có các số liệu tin cậy, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo lượng điện năng trung bình tháng của nhà máy điện trong 06 (sáu) kỳ thanh toán ngay trước khi công tơ bị hư hỏng (hoặc toàn bộ thời gian đã vận hành nếu nhà máy điện vận hành chưa được sáu kỳ thanh toán) và phải được điều chỉnh theo thời gian ngừng máy hoặc theo các thông số vận hành.

5. Tranh chấp hóa đơn

a) Trường hợp một bên không đồng ý với toàn bộ hoặc một phần của hóa đơn về sản lượng điện hoặc lượng tiền thanh toán thì có quyền thông báo bằng văn bản tới bên kia trước ngày đến hạn thanh toán. Sau khi có thông báo mà các Bên không thỏa thuận giải quyết được thì thời hạn để một hoặc các Bên đưa ra tranh chấp là 01 (một) năm tính từ ngày Bên mua điện nhận được hóa đơn hợp lệ.

b) Trường hợp việc giải quyết tranh chấp theo Điều 8 của Hợp đồng này mà Bên bán điện đúng thì Bên mua điện phải thanh toán cho Bên bán điện khoản tiền tranh chấp cộng với phần lãi của khoản chưa thanh toán tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng, ghép lãi hàng tháng từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán số tiền tranh chấp. Nếu Bên mua điện đúng thì Bên bán điện phải hoàn lại số tiền tranh chấp đã nhận trước đó cộng với phần lãi của khoản đã thanh toán này tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng, ghép lãi hàng tháng từ ngày nhận được khoản thanh toán đến ngày thanh toán khoản tiền tranh chấp. Tất cả các thanh toán trong mục này phải được thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có quyết định giải quyết tranh chấp cuối cùng theo Điều 8 của Hợp đồng này.

Điều 5. Trường hợp bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng

Các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn được cơ quan nhà nước hoặc tổ chức khác các Bên công bố như sau:

- a) Thiên tai, hoả hoạn, cháy nổ, lũ lụt, sóng thần, bệnh dịch hay động đất;
- b) Bạo động, nổi loạn, chiến sự, chống đối, phá hoại, cấm vận, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng.

2. Xử lý trong trường hợp bất khả kháng

Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng, Bên viện dẫn bất khả kháng phải:

a) Nhanh chóng gửi thông báo bằng văn bản tới Bên kia về sự kiện bất khả kháng, nêu rõ lý do, đưa ra những bằng chứng đầy đủ chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó và đưa ra dự kiến về thời gian và tầm ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng tới khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình;

b) Nỗ lực với tất cả khả năng của mình để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Nhanh chóng thực hiện các hành động cần thiết để khắc phục sự kiện bất khả kháng và cung cấp bằng chứng để chứng minh việc đã nỗ lực hợp lý để khắc phục sự kiện bất khả kháng;

d) Thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác hại tới các Bên trong Hợp đồng;

đ) Nhanh chóng thông báo tới các Bên về sự chấm dứt của sự kiện bất khả kháng.

3. Hệ quả của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này, Bên vi phạm sẽ được miễn phần trách nhiệm liên quan tới việc không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra, trừ trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán các khoản tiền đến hạn thanh toán theo Hợp đồng này trước thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng.

4. Thời hạn của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp do sự kiện bất khả kháng mà một bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong thời hạn 01 (một) năm, bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày thông báo bằng văn bản, trừ khi nghĩa vụ đó được thực hiện trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày này. Các Bên sẽ hợp với nhau, nỗ lực để tìm ra các giải pháp hợp lý, phù hợp và thống nhất thông qua thương lượng trên tinh thần thiện chí.

Điều 6. Thời hạn hợp đồng

Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước Thời hạn Hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng, Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của các Bên ký chính thức và chấm dứt sau 20 (hai mươi) năm kể từ Ngày vận hành thương mại. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, các nội dung của Hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực trong một thời gian cần thiết để các bên thực hiện việc lập hoá đơn lần cuối, điều chỉnh hoá đơn, thanh toán, các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

Các Bên có thể gia hạn thời hạn Hợp đồng này hoặc ký hợp đồng mới theo quy định của pháp luật tại thời điểm Hợp đồng này hết thời hạn nêu trên.

Điều 7. Vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và đình chỉ thực hiện hợp đồng

1. Hành vi vi phạm hợp đồng của Bên bán điện

a) Bên bán điện không thực hiện được Ngày vận hành thương mại như quy định trong Phụ lục B trong thời hạn 03 (ba) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Bên bán điện không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên mua điện;

Trường hợp Bên bán điện đã cố gắng khắc phục hành vi vi phạm trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trên nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên bán điện được kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là 01 (một) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của Bên bán điện, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép giãn tiến độ đầu tư theo quy định hiện hành. Bên bán điện phải tiếp tục hoàn thành khắc phục vi phạm trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này;

c) Bên bán điện phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;

d) Vi phạm các cam kết của Bên bán điện theo Điều 11 của Hợp đồng này.

2. Hành vi vi phạm hợp đồng của Bên mua điện

a) Bên mua điện không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên bán điện;

Trường hợp Bên mua điện đã cố gắng khắc phục hợp lý hành vi vi phạm trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên mua điện được phép kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là 01 (một) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của Bên mua điện. Bên mua điện phải tiếp tục hoàn thành khắc phục vi phạm trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 5 của Hợp đồng này;

b) Bên mua điện không thanh toán khoản tiền thanh toán không tranh chấp theo Hợp đồng khi đến hạn và việc không thanh toán này tiếp tục kéo dài hơn 90 (chín mươi) ngày mà không có lý do chính đáng;

c) Bên mua điện phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;

d) Vi phạm nghiêm trọng các cam kết của Bên mua điện tại Điều 11 của Hợp đồng này.

3. Quy trình khắc phục và giải quyết vi phạm hợp đồng

Trường hợp có sự kiện vi phạm hợp đồng, bên bị vi phạm phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm. Bên vi phạm phải hợp tác để giải quyết sự kiện vi phạm hợp đồng.

4. Bồi thường thiệt hại

a) Bên có hành vi vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm được hưởng nếu không có hành vi vi phạm;

b) Bên bị vi phạm phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

5. Chấm dứt thực hiện hợp đồng

Trường hợp sự kiện vi phạm hợp đồng không giải quyết được theo khoản 4 Điều này, bên bị vi phạm có thể tiếp tục yêu cầu bên vi phạm khắc phục vi phạm hoặc có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bằng cách gửi thông báo đến bên vi phạm. Sau khi bên bị vi phạm lựa chọn chấm dứt thực hiện hợp đồng theo điều kiện của Hợp đồng này, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, trừ các trường hợp được nêu trong Điều 5 và bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại.

Trường hợp Bên bán điện là Bên bị vi phạm lựa chọn chấm dứt thực hiện hợp đồng, giá trị bồi thường thiệt hại được tính bằng giá trị sản lượng điện phát thực tế trong thời gian một năm trước đó tính đến thời điểm chấm dứt thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

1. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng

Trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa các Bên trong Hợp đồng này, thì Bên đưa ra tranh chấp phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về nội dung tranh chấp và các yêu cầu trong thời hiệu quy định. Các bên sẽ thương lượng giải quyết tranh chấp trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên đưa ra tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thanh toán tiền điện được thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo của bên yêu cầu.

Trường hợp không thể thống nhất được theo quy định trên, các bên có quyền gửi văn bản cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hỗ trợ các Bên giải quyết vướng mắc.

Cơ chế giải quyết tranh chấp này không áp dụng với những tranh chấp không phát sinh trực tiếp từ Hợp đồng này giữa một Bên trong Hợp đồng với các bên thứ ba.

2. Giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật

Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng biện pháp thương lượng theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc một trong các bên không tuân thủ kết quả đàm phán thì một hoặc các bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo quy định tại Thông tư số 40/2010/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp trên thị trường điện lực hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp khác do hai Bên thống nhất lựa chọn để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu

1. Ủy thác và chuyển nhượng

Trong trường hợp Hợp đồng này được ủy thác hoặc chuyển nhượng thực hiện, quy định về quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực đối với đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của các bên.

Trong trường hợp Bên bán điện chuyển nhượng hoặc ủy thác việc thực hiện Hợp đồng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên mua điện. Nếu phần ủy thác của Bên bán điện có giá trị xấp xỉ giá trị các thiết bị có thể vận hành thì đó là việc ủy thác hợp lệ theo Hợp đồng này.

Bên ủy thác hay chuyển nhượng phải thông báo ngay bằng văn bản tới bên kia về việc ủy thác hay chuyển nhượng.

2. Tái cơ cấu

Trong trường hợp tái cơ cấu ngành điện ảnh hưởng tới các quyền hoặc nghĩa vụ của Bên bán điện hoặc Bên mua điện trong Hợp đồng này, thì việc thực hiện Hợp đồng sẽ được chuyển sang cho các đơn vị tiếp nhận. Bên mua điện có trách nhiệm xác nhận và bảo đảm bằng văn bản về việc các đơn vị tiếp nhận thực hiện nghĩa vụ mua điện hoặc phân phối điện và các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này.

Điều 10. Các thoả thuận khác

1. Sửa đổi Hợp đồng

Các Bên không tự ý sửa đổi những nội dung trong các điều, khoản của Hợp đồng này trừ trường hợp có thoả thuận bằng văn bản và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Trách nhiệm hợp tác

Bên bán điện có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan tới nhà máy điện. Bên mua điện có trách nhiệm hợp tác với Bên bán điện để có được giấy phép, sự phê chuẩn, sự cho phép và phê duyệt cần thiết từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới địa điểm nhà máy, kiểm soát những nguồn tài nguyên, đầu tư, truyền dẫn hoặc bán điện năng, sở hữu và vận hành nhà máy điện, kể cả việc cung cấp các tài liệu bổ sung hoặc các tài liệu ở dạng lưu trữ và thực hiện các hoạt động cần thiết hợp lý khác để thực hiện thoả thuận của các Bên.

3. Luật áp dụng

Việc giải thích và thực hiện Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Không thực hiện quyền

Không thực hiện quyền của mình theo Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào sẽ không làm ảnh hưởng việc thực thi các quyền theo Hợp đồng về sau. Các bên đồng ý rằng việc tuyên bố không thực hiện quyền của một bên đối với bất kỳ cam kết hoặc điều kiện nào theo Hợp đồng, hoặc bất kỳ sự vi phạm hợp đồng, sẽ không được xem như là bên đó từ bỏ quyền tương tự về sau.

5. Tính độc lập của các nội dung hợp đồng

Trường hợp có nội dung nào trong Hợp đồng này được cho là không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc vô hiệu theo phán quyết của toà án, thì các nội dung khác của Hợp đồng vẫn có hiệu lực, nếu phần còn lại thể hiện đầy đủ nội dung mà không cần tới phần bị vô hiệu.

6. Thông báo

Bất kỳ thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin khác cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này phải nêu rõ ngày lập và sự liên quan đến Hợp đồng. Các thông báo, hoá đơn hoặc trao đổi thông tin phải được lập bằng văn bản và được chuyển bằng các dịch vụ bưu điện hoặc fax. Trường hợp gửi bằng fax thì phải gửi bản gốc đến sau bằng dịch vụ bưu điện với bưu phí đã được trả trước. Thông báo, hoá đơn hoặc các trao đổi thông tin phải được gửi tới các địa chỉ sau:

a) Bên bán điện: Tổng giám đốc, _____,
_____, _____, Việt Nam

b) Bên mua điện: _____,
_____, _____, Việt Nam

c) Trong các thông báo, các Bên có thể nêu rõ địa chỉ người gửi hoặc người nhận khác theo hình thức quy định tại Khoản này.

d) Mỗi thông báo, hoá đơn hoặc các loại trao đổi thông tin khác được gửi bằng thư, giao nhận và truyền tin theo các cách trên được xem là đã được giao và nhận tại thời điểm chúng được giao tới địa chỉ người nhận hoặc tại thời điểm bị từ chối nhận bởi Bên nhận với địa chỉ nêu trên.

7. Bảo mật

Bên mua điện đồng ý bảo mật các thông tin của nhà máy trong phụ lục Hợp đồng, trừ trường hợp các thông tin này đã được Bên bán điện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố trước đó.

8. Hợp đồng hoàn chỉnh

Hợp đồng này là thoả thuận hoàn chỉnh cuối cùng giữa các Bên tham gia và thay thế các nội dung đã thảo luận, thông tin, thư tín trao đổi trước khi ký kết liên quan tới Hợp đồng này.

9. Thu dọn và hoàn trả mặt bằng

Bên bán điện có trách nhiệm tháo dỡ, hoàn trả mặt bằng, thu dọn và chịu trách nhiệm tổ chức xử lý toàn bộ các vật tư, vật liệu, trang thiết bị của các công trình sau khi kết thúc vòng đời của dự án theo đúng các quy định tại thời điểm thực hiện về an toàn và bảo vệ môi trường.

Điều 11. Cam kết thực hiện

Hai Bên cam kết thực hiện Hợp đồng này như sau:

1. Mỗi Bên được thành lập hợp pháp để hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

2. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này của mỗi Bên được thực hiện đúng theo điều kiện và nội dung của Giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan có thẩm quyền cấp và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các Bên không có hành vi pháp lý hoặc hành chính ngăn cản hoặc làm ảnh hưởng Bên kia thực hiện Hợp đồng này.

4. Việc ký kết và thực hiện của một Bên trong Hợp đồng này không vi phạm với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng khác hoặc là một phần văn bản của một Hợp đồng khác mà Bên đó là một bên tham gia.

Hợp đồng này và 6 Phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này được lập thành 10 (mười) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản, Bên bán điện có trách nhiệm gửi 01 (một) bản Hợp đồng mua bán điện tới Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và 01 (một) bản tới Cục Điều tiết điện lực.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN ĐIỆN

(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

ĐẠI DIỆN BÊN MUA ĐIỆN

(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

PHỤ LỤC A

THỎA THUẬN ĐẦU NÓI HỆ THỐNG ĐIỆN

(Được áp dụng riêng lẻ cho từng dự án phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của dự án, bao gồm sơ đồ một sợi của thiết bị đầu nối, liệt kê đặc điểm của hệ thống đo đếm, điện áp và các yêu cầu đầu nối)

PHỤ LỤC B

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN

Phần A. Các thông số chung

1. Tên nhà máy điện:
2. Địa điểm nhà máy điện:
3. Công suất định mức:
4. Công suất bán cho Bên mua điện: tối thiểukW; tối đa
5. Công suất tự dùng của nhà máy điện: tối thiểu.....kW; tối đa.....
6. Điện năng sản xuất hàng năm dự kiến: kWh
7. Ngày hoàn thành xây dựng nhà máy điện:
8. Ngày vận hành thương mại dự kiến của nhà máy điện:
9. Điện áp phát lên lưới phân phối:V
10. Điểm đấu nối vào lưới phân phối:
11. Điểm đặt thiết bị đo đếm:

Phần B. Thông số vận hành của công nghệ cụ thể

1. Loại tấm pin:
2. Công nghệ phát điện:
3. Đặc tính vận hành thiết kế:

PHỤ LỤC C
HỆ THỐNG ĐO ĐẾM VÀ THU THẬP SỐ LIỆU

PHỤ LỤC D

YÊU CẦU TRƯỚC NGÀY VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI

(Cam kết ngày vận hành thương mại, thỏa thuận các thủ tục chạy thử, nghiệm thu và đưa nhà máy vào vận hành thương mại....)

PHỤ LỤC Đ
TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN

PHỤ LỤC E
CÁC THỎA THUẬN KHÁC

PHỤ LỤC

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU CHO HỆ THỐNG PHÁT ĐIỆN MẶT TRỜI TRÊN MÁI NHÀ

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2019/TT-BCT

*ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Thương quy định
về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện
mặt trời)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU
CHO HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các Hệ thống điện mặt trời tại Việt Nam;

Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời;

Nhu cầu mua, bán điện của hai bên,

Hôm nay, ngàytháng năm, tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện (Bên A):

Địa chỉ:

Điện thoại: _____ Email: _____ Fax: _____

Mã số thuế _____ Giấy ĐKKD/ĐKDN:

Tài khoản: _____ Ngân hàng _____

Đại diện:

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:

Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____)

theo văn bản ủy quyền (số, ngày, tháng, năm).

Bên mua điện (Bên B):

Địa chỉ:

Điện thoại: _____ Email: _____ Fax: _____

Mã số thuế _____ Giấy ĐKKD/ĐKDN:
Tài khoản: _____ Ngân hàng _____
Đại diện:
Chức vụ: _____ (Được sự ủy quyền của _____
theo văn bản ủy quyền (số, ngày, tháng, năm).

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện (sau đây gọi là Hợp đồng) để mua, bán điện năng được sản xuất từ hệ thống điện mặt trời mái nhà (sau đây gọi là Hệ thống), có công suất lắp đặt là kW với các thông số tại Phụ lục (Mẫu Phụ lục do Bên B ban hành) do Bên A đầu tư xây dựng và vận hành tại [địa điểm xây dựng Hệ thống] với những điều khoản dưới đây:

Điều 1. Điện năng mua bán

1. Kể từ ngày vận hành, Bên A đồng ý bán cho Bên B và Bên B đồng ý mua của Bên A sản lượng điện năng được sản xuất từ Hệ thống phát lên lưới của Bên B thông qua công tơ đo đếm được lắp đặt tại điểm giao nhận điện.

2. Bên B có trách nhiệm thanh toán lượng điện năng từ Hệ thống của Bên A phát lên lưới của Bên B theo giá mua điện quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

3. Điện năng Bên A nhận từ lưới của Bên B sẽ được hai bên ký hợp đồng mua bán điện riêng không thuộc phạm vi của Hợp đồng này.

Điều 2. Giá mua bán điện

1. Giá mua bán điện của Hệ thống điện mặt trời áp mái thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các Hệ thống điện mặt trời tại Việt Nam.

2. Giá mua điện quy định khoản 1 Điều này được áp dụng tối đa 20 năm kể từ ngày Hệ thống vào vận hành thương mại.

Điều 3. Xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới và lập hóa đơn

1. Xác nhận chỉ số công tơ, điện năng phát lên lưới

- Bên B thực hiện ghi chỉ số công tơ vào ngày hàng tháng.

- Trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ghi chỉ số công tơ, Bên B sẽ thông báo cho Bên A chỉ số công tơ và lượng điện từ Hệ thống phát lên lưới trong kỳ thanh toán bằng hình thức:

Email [Địa chỉ nhận email] SMS/Zalo/Viber [Số ĐT nhận tin]

- Trường hợp Bên A không thống nhất với chỉ số công tơ và lượng điện năng phát lên lưới do Bên B thông báo, Bên A có trách nhiệm phản hồi trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo của Bên B bằng hình thức:

Web:

Email/[Địa chỉ nhận email]

- Sau thời hạn trên, nếu Bên A không có ý kiến phản hồi cho Bên B thì được hiểu là Bên A thống nhất với chỉ số công tơ và lượng điện năng phát lên lưới do Bên B thông báo.

2. Tiền điện thanh toán:

a) Tiền điện: Căn cứ sản lượng điện hai Bên đã thống nhất tại khoản 1 Điều này và giá mua điện tại Điều 2 của Hợp đồng này, định kỳ hàng tháng Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền điện (chưa bao gồm thuế GTGT) như sau:

$$T(n) = Ag(n) \times G(n)$$

Trong đó:

T(n): Tiền điện thanh toán trong tháng n (đồng).

Ag(n): Điện năng Bên A phát lên lưới Bên B trong tháng n (kWh).

- Đối với công tơ 1 biểu giá Ag(n) là sản lượng điện Bên A phát lên lưới Bên B tại điểm giao nhận điện ghi nhận qua công tơ đo đếm.

- Đối với công tơ 3 biểu giá Ag(n) là tổng sản lượng 3 biểu (giờ bình thường, cao điểm, thấp điểm) Bên A phát lên lưới Bên B tại điểm giao nhận điện ghi nhận qua công tơ đo đếm.

G(n): Giá điện áp dụng cho tháng n theo quy định tại Điều 2 (đồng/kWh) của Hợp đồng này.

b) Thuế GTGT: Ngoài tiền điện thanh toán tại điểm a khoản 2 Điều này, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền thuế GTGT nếu Bên A có mức doanh thu từ Hệ thống điện mặt trời thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định hiện hành. Khi kết thúc kỳ ghi chỉ số công tơ cuối cùng của năm, Bên B có trách nhiệm quyết toán tiền mua điện từ Hệ thống điện mặt trời trong năm và quyết toán thuế GTGT cho Bên A tùy thuộc vào doanh thu phát sinh từ Hệ thống điện mặt trời.

Điều 4. Thanh toán

1. Hồ sơ thanh toán:

a) Bên A là doanh nghiệp có phát hành hóa đơn hàng tháng:

Bảng kê chỉ số công tơ và điện năng tháng Bên A phát lên lưới của Bên B do Bên B cung cấp;

Hóa đơn bán hàng theo quy định do Bên A cung cấp với giá trị tiền điện thanh toán được xác định tại khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này.

b) Bên A là tổ chức, cá nhân không phát hành hóa đơn hàng tháng:

Hàng tháng:

Bên B sẽ căn cứ Bảng kê chỉ số công tơ và điện năng Bên A phát lên lưới của Bên B để thanh toán tiền điện cho Bên A, giá trị tiền điện thanh toán được xác định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này.

Hàng năm:

Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc năm hoặc kết thúc Hợp đồng tùy thời điểm nào đến trước, Bên B lập và gửi Bên A xác nhận “Biên bản xác nhận sản lượng điện giao nhận và tiền điện thanh toán” của năm theo mẫu quy định tại Phụ lục (Mẫu Phụ lục do Bên B ban hành) của Hợp đồng này.

Trường hợp Bên A có mức doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế nêu tại điểm b khoản 2 Điều 3, Bên A có trách nhiệm gửi Bên B Hóa đơn bán hàng bao gồm các khoản thuế, phí theo quy định.

2. Hình thức thanh toán:

Chuyển khoản (Bên A chịu phí chuyển khoản).

Thông tin chuyển khoản:.....

3. Thời hạn thanh toán:

a) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau ngày Bên A thông nhất chỉ số công tơ và điện năng phát lên lưới (do Bên B thông báo) và nộp đủ hồ sơ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Sau thời hạn nêu trên, Bên B không thanh toán cho Bên A thì Bên B có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả tính từ ngày sau ngày đến hạn thanh toán đến ngày Bên B thanh toán. Lãi phạt chậm trả được tính bằng lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng kỳ hạn một (01) tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm Bên B thanh toán.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật về điện mặt trời; đảm bảo chất lượng điện năng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; Điều 40, 41 Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối (gọi tắt là Thông tư số 39/2015/TT-BCT) hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

b) Cùng với Bên B ghi nhận, thống nhất và theo dõi sản lượng điện phát lên lưới của Bên B.

c) Vận hành Hệ thống theo quy định tại Điều 52 Thông tư số 39/2015/TT-BCT.

d) Bên A không được đấu nối các nguồn điện khác, ngoài Hệ thống đã được thỏa thuận trong Hợp đồng này, qua công tơ đo đếm mà không được sự đồng ý của Bên B.

e) Bên A có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo các quy định của Nhà nước.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Đầu tư, lắp đặt công tơ tại điểm giao nhận điện cho Bên A nếu Bên A đáp ứng các tiêu chuẩn đầu nối tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Cùng với Bên A ghi nhận, thông báo, thông nhất và theo dõi lượng điện từ Hệ thống phát lên lưới của Bên B.

c) Kiểm tra, giám sát vận hành và xử lý theo quy định tại Điều 52 Thông tư số 39/2015/TT-BCT.

d) Bên B có quyền từ chối thanh toán khi Bên A không tuân thủ các điều khoản quy định tại điểm a, c, d, e khoản 1 Điều này.

Điều 6. Những thỏa thuận khác

.....

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn, Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn tối đa 20 năm kể từ ngày vận hành.

2. Trong thời gian thực hiện, một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt Hợp đồng, Bên yêu cầu phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ và tên và đóng dấu)